

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý I năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGỌC KỲ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND xã ngày 10 tháng 01 năm 2022 của HĐND xã khóa XXV, kỳ họp thứ 2 về dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý I năm 2022 (theo các biểu đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND & HĐND xã; Công chức Tài chính-kế toán; các ban ngành, đoàn thể xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH huyện;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Thoảng**

Số: 22/TB-UBND

Ngọc Kỳ, ngày 08 tháng 4 năm 2022

## THÔNG BÁO

### **Công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý I năm 2022**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND xã ngày 10 tháng 01 năm 2022 của HĐND xã khóa XXV, kỳ họp thứ 2 về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2021;*

UBND xã Ngọc Kỳ thông báo niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý I năm 2022, cụ thể như sau:

- 1- Cân đối dự toán ngân sách xã quý I năm 2022 (*Chi tiết theo biểu số 113/CK TC-NSNN*)
- 2- Ước thực hiện thu ngân sách xã quý I năm 2022 (*Chi tiết theo biểu số 114/CK TC-NSNN*)
- 3- Ước thực hiện chi ngân sách xã quý I năm 2022 (*Chi tiết theo biểu số 115/CK TC-NSNN*)

Thời gian công khai 30 ngày từ ngày 08/4/2022 đến hết ngày 07/5/2022.

Địa điểm công khai: tại trụ sở UBND xã và trên hệ thống đài truyền thanh xã.

Trong thời gian niêm yết công khai, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến thắc mắc, khiếu nại xin gửi bằng văn bản về văn phòng UBND xã để được giải quyết theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Thoảng**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

ĐVT: 1000 đồng

| STT       | NỘI DUNG                                     | DỰ TOÁN NĂM      | ƯỚC THỰC HIỆN<br>NĂM 2021 | SO SÁNH (%)   |
|-----------|----------------------------------------------|------------------|---------------------------|---------------|
| A         | B                                            | 1                | 2                         | 3=2/1         |
| <b>I</b>  | <b>TỔNG SỐ THU</b>                           | <b>9.521.000</b> | <b>1.216.500</b>          | <b>12,78%</b> |
| 1         | Các khoản thu xã hưởng 100%                  | 51.000           | 8.062                     | 15,81%        |
| 2         | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm | 5.061.000        | 17.001                    | 0,34%         |
| 3         | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên            | 4.409.000        | 1.100.000                 | 24,95%        |
|           | - Thu bổ sung cân đối                        | 4.409.000        | 1.100.000                 | 24,95%        |
|           | - Thu bổ sung có mục tiêu                    |                  |                           |               |
| 4         | Thu chuyển nguồn                             |                  | 91.437                    |               |
| <b>II</b> | <b>TỔNG SỐ CHI</b>                           | <b>9.521.000</b> | <b>1.163.087</b>          | <b>12,22%</b> |
| 1         | Chi đầu tư phát triển                        | 5.000.000        |                           |               |
| 2         | Chi thường xuyên                             | 4.521.000        | 1.163.087                 | 25,73%        |
| 3         | Dự phòng                                     |                  |                           |               |





ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

Biểu số 114/CK TC-NSNN

DVT: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                      | DỰ TOÁN NĂM |           | ƯỚC THỰC HIỆN<br>QUÝ I NĂM 2022 |           | SO SÁNH (%) |         |         |       |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------|-----------|---------------------------------|-----------|-------------|---------|---------|-------|
|     |                                                               | THU NSNN    | THU NSX   | THU NSNN                        | THU NSX   | THU<br>NSNN | THU NSX |         |       |
|     |                                                               | A           | B         | 1                               | 2         | 3           | 4       | 5=3/1   | 6=4/2 |
|     |                                                               | TỔNG THU    |           |                                 |           |             |         |         |       |
| I   | Các khoản thu 100%                                            |             | 9.521.000 | 9.521.000                       | 1.216.500 | 1.216.500   | 12,78%  | 12,78%  |       |
| 1   | Thu phí, lệ phí                                               |             | 51.000    | 51.000                          | 8.062     | 8.062       | 15,81%  | 15,81%  |       |
| 2   | Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác                      |             | 10.000    | 10.000                          | 5.062     | 5.062       | 50,62%  | 50,62%  |       |
| 3   | Thu phạt, tịch thu theo quy định khác                         |             | 20.000    | 20.000                          |           |             |         |         |       |
| 4   | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định |             |           |                                 | 3.000     | 3.000       |         |         |       |
| 5   | Đóng góp của nhân dân theo quy định                           |             |           |                                 |           |             |         |         |       |
| 6   | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân                   |             |           |                                 |           |             |         |         |       |
| 7   | Thu khác                                                      |             | 21.000    | 21.000                          |           |             |         |         |       |
| II  | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)              |             | 5.061.000 | 5.061.000                       | 17.001    | 17.001      | 0,34%   | 0,34%   |       |
| 1   | Các khoản thu phân chia                                       |             | 52.000    | 52.000                          | 11.737    | 11.737      | 22,57%  | 22,57%  |       |
|     | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                            |             | 20.000    | 20.000                          |           |             |         |         |       |
|     | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh                |             | 2.000     | 2.000                           | 2.100     | 2.100       | 105,00% | 105,00% |       |
|     | - Lệ phí trước bạ nhà, đất                                    |             | 30.000    | 30.000                          | 9.637     | 9.637       | 32,12%  | 32,12%  |       |
| 2   | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định             |             | 9.000     | 9.000                           | 5.264     | 5.264       | 58,49%  | 58,49%  |       |
|     | - Thuế thu nhập cá nhân                                       |             | 3.000     | 3.000                           | 3.536     | 3.536       | 117,87% | 117,87% |       |
|     | - Thuế giá trị gia tăng                                       |             | 6.000     | 6.000                           | 1.728     | 1.728       | 28,80%  | 28,80%  |       |
| 3   | Thu tiền sử dụng đất                                          |             | 5.000.000 | 5.000.000                       |           |             |         |         |       |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)         |             |           |                                 |           |             |         |         |       |
| IV  | Thu chuyển nguồn                                              |             |           |                                 | 91.437    | 91.437      |         |         |       |
| V   | Thu kết dư ngân sách năm trước                                |             |           |                                 |           |             |         |         |       |
| VI  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                             |             | 4.409.000 | 4.409.000                       | 1.100.000 | 1.100.000   | 24,95%  | 24,95%  |       |
|     | - Thu bổ sung cân đối                                         |             | 4.409.000 | 4.409.000                       | 1.100.000 | 1.100.000   | 24,95%  | 24,95%  |       |
|     | - Thu bổ sung có mục tiêu                                     |             |           |                                 |           |             |         |         |       |

